

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2018
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Bà Ngô Hồng Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Hồng N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp VT, xã V1, huyện V2, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Văn Thương E, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa chị N có mặt; anh Thương E vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Lâm Thị Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị với anh Văn Thương E tự nguyện kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V2, tỉnh Kiên Giang. Trong thời

gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mặc dù được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không chung sống với nhau được, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai nữa từ 16 năm nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Văn Thương E.

- Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có một người con chung tên Văn Lâm T sinh ngày 05/11/2000, hiện nay cháu T do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu T không yêu cầu anh Thương E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, bị đơn anh Văn Thương E có ý kiến về nội dung khởi kiện của chị N như sau:

- Về hôn nhân: Qua phần trình bày của chị N là đúng, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về con chung: Theo chị N trình bày là đúng, tùy nguyện vọng của con muốn ở với ai thì người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ: Anh Thương E xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Văn Thương E có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Văn Thương E.

[2] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Hồng N với anh Văn Thương E tự nguyện chung sống với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh Thương E được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, được hai bên gia đình hòa giải nhưng không hàn gắn được, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng không ai còn có trách nhiệm với ai nữa. Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm với anh Thương E và không thể tiếp tục chung sống với anh Thương E được nữa nên

yêu cầu được ly hôn với anh Thương E; đối với anh Thương E đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị N được ly hôn với anh Thương E là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh Thương E có 01 người con tên Văn Lâm T sinh ngày 05/11/2000. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh Thương E cấp dưỡng; đối với anh Thương E, có ý kiến con theo ai người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh chị ly thân cháu T sống cùng với chị N, chị N có yêu cầu được nuôi con, cháu T có nguyện vọng sống cùng chị N. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu T cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp; đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị N không đặt ra, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ: Chị N và anh Thương E xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị Hồng N, cho chị Lâm Thị Hồng N được ly hôn với anh Văn Thương E.

2. Về con chung: Giao cháu Văn Lâm T sinh ngày 05/11/2000 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh Thương E có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lâm Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị N đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009635 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Thương E có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V1, huyện V2, KG;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng